

## PHỤ LỤC SỐ V

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**Công ty Cổ phần Xây lắp-Cơ  
khí và Lương thực Thực phẩm**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **02/HĐQT.MCF.21**

Long An, ngày 29 tháng 01 năm 2021

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Năm 2020

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- **Tên công ty đại chúng:** Công ty Cổ phần Xây lắp-Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
- **Địa chỉ trụ sở chính:** 29 Nguyễn Thị Bảy-Phường 6-TP.Tân An-T.Long An
- **Điện thoại:** 0272.3820509 Fax: 0272.3521252 Email: info@mecofood.com.vn
- **Vốn điều lệ:** 107.778.380.000 đồng (Một trăm lẻ bảy tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng)
- **Mã chứng khoán:** MCF
- **Mô hình quản trị công ty:**
  - + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

#### I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Ngày 30/06/2020 Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Đại hội đã thành công tốt đẹp và bế mạc lúc 11h30 cùng ngày.

STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	25/NQ-ĐHCD.MCF	30/06/2020	<b>Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 :</b> <b>1) Kết quả hoạt động SXKD 2019:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sản lượng mua vào quy gạo: 28.207 tấn</li><li>- Bán ra: Lương thực quy gạo: 24.471 tấn</li><li>- Bao bì : 9,635 triệu cái</li><li>- Cơ khí : 33,299 tỷ đồng</li><li>- Bê tông: 61.005 m<sup>3</sup></li><li>- Mỹ nghệ: 24 cont</li><li>- Tổng doanh thu : <b>418,285</b> tỷ đồng.</li><li>- Lợi nhuận trước thuế: <b>12,820</b> tỷ đồng.</li></ul>



STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung																																																																		
			<p><b>2) Kế hoạch SXKD năm 2020 :</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Sản lượng mua vào quy gạo : 31.000 tấn</li><li>- Bán ra: Lương thực quy gạo : 31.000 tấn</li><li>- Bao bì: 11 triệu cái</li><li>- Cơ khí: 25 tỷ đồng</li><li>- Bê tông : 75.000 m<sup>3</sup></li><li>- Mỹ nghệ: 24 cont</li><li>- Tổng doanh thu: <b>520.000.000.000</b> đồng.</li><li>- Lợi nhuận trước thuế: <b>13.200.000.000</b> đồng.</li></ul> <p>(Có báo cáo chi tiết kèm theo)</p> <p>Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:</p> <table><tr><th rowspan="2">Kết quả</th><th rowspan="2">Tổng số phiếu biểu quyết</th><th colspan="4">Trong đó</th></tr><tr><th>Tán thành</th><th>Không tán thành</th><th>Không có ý kiến</th><th>Không hợp lệ</th></tr><tr><td>Số phiếu</td><td>8.329.623</td><td>8.329.623</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>Đạt tỷ lệ %</td><td>100</td><td>100</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr></table> <p><b>Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020:</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:</p> <table><tr><th rowspan="2">Kết quả</th><th rowspan="2">Tổng số phiếu biểu quyết</th><th colspan="4">Trong đó</th></tr><tr><th>Tán thành</th><th>Không tán thành</th><th>Không có ý kiến</th><th>Không hợp lệ</th></tr><tr><td>Số phiếu</td><td>8.329.623</td><td>8.329.623</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>Đạt tỷ lệ %</td><td>100</td><td>100</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr></table> <p><b>Điều 3: Thông qua Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2019 của Ban kiểm soát:</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:</p> <table><tr><th rowspan="2">Kết quả</th><th rowspan="2">Tổng số phiếu biểu quyết</th><th colspan="4">Trong đó</th></tr><tr><th>Tán thành</th><th>Không tán thành</th><th>Không có ý kiến</th><th>Không hợp lệ</th></tr><tr><td>Số phiếu</td><td>8.329.623</td><td>8.329.623</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>Đạt tỷ lệ %</td><td>100</td><td>100</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr></table> <p><b>Điều 4: Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán:</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:</p>	Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó				Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ	Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0	Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0	Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó				Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ	Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0	Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0	Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó				Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ	Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0	Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0
Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó																																																																			
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ																																																																
Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0																																																																
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0																																																																
Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó																																																																			
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ																																																																
Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0																																																																
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0																																																																
Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó																																																																			
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ																																																																
Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0																																																																
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0																																																																



STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung																																		
			Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó																																
					Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ																													
			Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0																													
			Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0																													
			<b>Điều 5: Thông qua tờ trình kết quả thực hiện quỹ lương, thù lao năm 2019 và kế hoạch quỹ lương, thù lao năm 2020</b>																																		
			<b>1/ kết quả thực hiện Quỹ tiền lương năm 2019:</b>																																		
			Thực tế Công ty đã hạch toán quỹ tiền lương đưa vào phí SXKD năm 2019 là <b>34.250.000.000</b> đồng chiếm tỷ lệ 72,76% Tổng lợi nhuận chưa trừ lương, cụ thể như sau :																																		
			Đơn vị tính : Đồng																																		
			<table><tr><th>Diễn giải</th><th>Quỹ lương được trích năm 2019</th><th>Số thực trích quyết toán năm 2019</th><th>Chênh lệch</th><th>So sánh (%)</th></tr><tr><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>D= (C-B)</td><td>E= (C/Bx100 %)</td></tr><tr><td>Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD</td><td>35.700.000.000</td><td>34.250.000.000</td><td>- 1.450.000.000</td><td>95,93%</td></tr><tr><td>Trong đó:- Quỹ lương LĐQL</td><td>2.340.000.000</td><td>2.340.000.000</td><td></td><td></td></tr><tr><td>- Quỹ lương NLD</td><td>33.360.000.000</td><td>31.910.000.000</td><td></td><td></td></tr></table>						Diễn giải	Quỹ lương được trích năm 2019	Số thực trích quyết toán năm 2019	Chênh lệch	So sánh (%)	A	B	C	D= (C-B)	E= (C/Bx100 %)	Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD	35.700.000.000	34.250.000.000	- 1.450.000.000	95,93%	Trong đó:- Quỹ lương LĐQL	2.340.000.000	2.340.000.000			- Quỹ lương NLD	33.360.000.000	31.910.000.000						
Diễn giải	Quỹ lương được trích năm 2019	Số thực trích quyết toán năm 2019	Chênh lệch	So sánh (%)																																	
A	B	C	D= (C-B)	E= (C/Bx100 %)																																	
Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD	35.700.000.000	34.250.000.000	- 1.450.000.000	95,93%																																	
Trong đó:- Quỹ lương LĐQL	2.340.000.000	2.340.000.000																																			
- Quỹ lương NLD	33.360.000.000	31.910.000.000																																			
<b>2/ Kế hoạch Quỹ lương trích đưa vào phí SXKD năm 2020:</b>																																					
Căn cứ hoạch SXKD năm 2020, lợi nhuận trước thuế là <b>13.200.000.000</b> đồng, tăng 2,96% so với thực hiện năm 2019.																																					
Nhằm đảm bảo thu nhập cho người lao động không bị giảm so với năm 2019, trước tình hình điều chỉnh lương tối thiểu vùng và mức sinh hoạt hiện nay. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt quỹ tiền lương đưa vào phí SXKD năm 2020 với tỷ lệ là 73,17% lợi nhuận chưa trừ lương, cụ thể như sau :																																					
DVT : Đồng																																					
<table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Diễn giải</th><th colspan="2">Thực hiện năm 2019</th><th rowspan="2">Kế hoạch năm 2020</th><th colspan="2">So sánh (%)</th></tr><tr><th>Số được trích</th><th>Số thực trích</th><th></th><th></th></tr><tr><th>(1)</th><th>(2)</th><th>(3)</th><th>(4)</th><th>(5)</th><th>(6) = (5) / (3)</th><th>(7) = (5) / (4)</th></tr><tr><td>1</td><td>Lợi nhuận ròng trước thuế</td><td>12.820.371.778</td><td>12.820.371.778</td><td>13.200.000.000</td><td>102,96</td><td>102,96</td></tr><tr><td>2</td><td>Đơn giá tiền lương (Tỷ lệ % trên</td><td>73,61%</td><td>72,76%</td><td>73,17%</td><td>99,4</td><td>105.6</td></tr></table>						TT	Diễn giải	Thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)		Số được trích	Số thực trích			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) / (3)	(7) = (5) / (4)	1	Lợi nhuận ròng trước thuế	12.820.371.778	12.820.371.778	13.200.000.000	102,96	102,96	2	Đơn giá tiền lương (Tỷ lệ % trên	73,61%	72,76%	73,17%	99,4	105.6
TT	Diễn giải	Thực hiện năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So sánh (%)																																
		Số được trích	Số thực trích																																		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5) / (3)	(7) = (5) / (4)																															
1	Lợi nhuận ròng trước thuế	12.820.371.778	12.820.371.778	13.200.000.000	102,96	102,96																															
2	Đơn giá tiền lương (Tỷ lệ % trên	73,61%	72,76%	73,17%	99,4	105.6																															



STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung																																																																						
				lợi nhuận chưa trừ lương v/(v+m) )																																																																					
			3	Quỹ lương trích đưa vào phí	35.700.000.000	34.250.000.000	36.000.000.000	100,84	105,1																																																																
				Trong đó:- Quỹ lương LĐQL	2.340.000.000	2.340.000.000	2.340.000.000																																																																		
				- Quỹ lương NLĐ	33.360.000.000	31.910.000.000	33.660.000.000																																																																		
<p>Và tùy theo tình hình thực tế kết quả lợi nhuận thực hiện, Công ty sẽ trích và thực chi lương trong năm tài chính 2020 đúng theo tỷ lệ % lợi nhuận chưa trừ lương (v/v+m)=73,17% đồng thời sẽ báo cáo lại cho cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.</p> <p><b>3/ Mức thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020:</b></p> <p>- Thành viên HĐQT: 4 600 000 đồng/người/tháng</p> <p>- Kiểm soát viên : 2 100 000 đồng/người/tháng</p> <p>- Thư ký HĐQT : 2 000 000 đồng/người/tháng</p> <p>Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:</p>																																																																									
<table><tr><th rowspan="2">Kết quả</th><th rowspan="2">Tổng số phiếu biểu quyết</th><th colspan="4">Trong đó</th></tr><tr><th>Tán thành</th><th>Không tán thành</th><th>Không có ý kiến</th><th>Không hợp lệ</th></tr><tr><td>Số phiếu</td><td>8.329.623</td><td>8.329.623</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>Đạt tỷ lệ %</td><td>100</td><td>100</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr></table>										Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó				Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ	Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0	Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0																																										
Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó																																																																							
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ																																																																				
Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0																																																																				
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0																																																																				
<p><b>Điều 6: Thông qua kết quả SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch SXKD, phân phối lợi nhuận năm 2020.</b></p> <p><b>1- Kết quả SXKD và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2019:</b></p>																																																																									
<table><tr><th rowspan="2">STT</th><th rowspan="2">NỘI DUNG</th><th colspan="2">NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2019</th><th colspan="2">XIN Ý KIẾN THỰC HIỆN 2019</th></tr><tr><th>Tỷ lệ %</th><th>Lượng, tiền</th><th>Tỷ lệ %</th><th>Lượng, tiền</th></tr><tr><td>I</td><td>Sản lượng</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>1</td><td>Mua vào : Lương thực quy gạo</td><td></td><td>34.000</td><td></td><td>28.207</td></tr><tr><td>2</td><td>Bán ra:</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td>- Lúa gạo quy gạo</td><td></td><td>34.000</td><td></td><td>24.471</td></tr><tr><td></td><td>- Bao bì</td><td></td><td>12.000.000</td><td></td><td>9.635.000</td></tr><tr><td>II</td><td>Chỉ tiêu tài chính</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>1</td><td>Tổng doanh thu</td><td></td><td>520.000.000.000</td><td></td><td>418.284.672.778</td></tr><tr><td>2</td><td>Lợi nhuận trước thuế</td><td></td><td>12.800.000.000</td><td></td><td>12.820.371.778</td></tr><tr><td>3</td><td>Lợi nhuận sau thuế</td><td></td><td>10.240.000.000</td><td></td><td>10.225.171.502</td></tr></table>										STT	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2019		XIN Ý KIẾN THỰC HIỆN 2019		Tỷ lệ %	Lượng, tiền	Tỷ lệ %	Lượng, tiền	I	Sản lượng					1	Mua vào : Lương thực quy gạo		34.000		28.207	2	Bán ra:						- Lúa gạo quy gạo		34.000		24.471		- Bao bì		12.000.000		9.635.000	II	Chỉ tiêu tài chính					1	Tổng doanh thu		520.000.000.000		418.284.672.778	2	Lợi nhuận trước thuế		12.800.000.000		12.820.371.778	3	Lợi nhuận sau thuế		10.240.000.000		10.225.171.502
STT	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2019		XIN Ý KIẾN THỰC HIỆN 2019																																																																					
		Tỷ lệ %	Lượng, tiền	Tỷ lệ %	Lượng, tiền																																																																				
I	Sản lượng																																																																								
1	Mua vào : Lương thực quy gạo		34.000		28.207																																																																				
2	Bán ra:																																																																								
	- Lúa gạo quy gạo		34.000		24.471																																																																				
	- Bao bì		12.000.000		9.635.000																																																																				
II	Chỉ tiêu tài chính																																																																								
1	Tổng doanh thu		520.000.000.000		418.284.672.778																																																																				
2	Lợi nhuận trước thuế		12.800.000.000		12.820.371.778																																																																				
3	Lợi nhuận sau thuế		10.240.000.000		10.225.171.502																																																																				



STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung			
				<b>phân phối</b>		
			<b>4</b>	<b>Nguồn để chi thù lao, trích lập các quỹ và chia cổ tức</b>	<b>10.240.000.000</b>	<b>10.225.171.502</b>
			a	Chi thù lao HĐQT không chuyên trách	110.400.000	110.400.000
			b	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (Theo NĐ 53)	292.500.000	292.500.000
			c	Trích quỹ Đầu tư phát triển	10 983.710.000	10 982.227.000
			d	Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	15 1.475.565.000	15 1.473.341.000
			e	Chia cổ tức	75 7.328.929.840	75 7.328.929.840
			<b>5</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức/ VDL 107 778 380 000 đồng</b>	<b>6,80%</b>	<b>6,80%</b>
			<b>6</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức</b>	<b>48.895.160</b>	<b>37.773.662</b>
			<b>2- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020</b>			
			<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>KH 2020</b>	
					<b>Tỉ lệ %</b>	<b>Lượng, tiền</b>
			<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>		
			<b>1</b>	Mua vào : Lương thực quy gạo	Tấn	31.000
			<b>2</b>	Bán ra:		
				- Lúa gạo quy gạo	Tấn	31.000
				- Bao bì	cái	11.000.000
			<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>		
			<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Đồng	<b>520.000.000.000</b>
			<b>2</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Đồng	<b>13.200.000.000</b>
			<b>3</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế phân phối</b>	Đồng	<b>10.560.000.000</b>
			<b>4</b>	<b>Nguồn để chi thù lao, trích lập các quỹ và chia cổ tức</b>	Đồng	<b>10.560.000.000</b>
			a	Chi thù lao HĐQT không chuyên trách	Đồng	110.400.000
			b	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (Theo NĐ 53)	Đồng	292.500.000
			c	Trích quỹ Đầu tư phát triển	10	1.015.710.000
			d	Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	15	1.523.565.000
			e	Chia cổ tức	75	7.544.486.600
			<b>5</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức/ VDL 107 778 380 000 đồng</b>		<b>7,00%</b>
			<b>6</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức</b>		<b>73.338.400</b>
			Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:			



STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung					
			Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó			
					Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ
			Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0
			Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0
<b>Điều 7 : Thông qua tờ trình đầu tư mua sắm tài sản cố định năm 2020</b>								
T T	Tên hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (Đồng)	Nguồn vốn thực hiện		Ghi chú			
			Vốn Công ty	Vốn vay				
I	Xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí	4.100.000.000	4.100.000.000					
1	Bờ kè Xí nghiệp	2.200.000.000	2.200.000.000				Đơn vị tự thực hiện	
2	Máy cuốn thép hình U, V (VN, mới 100%): 1 máy	300.000.000	300.000.000					
3	Xe bán tải (Đã qua sử dụng): 1 chiếc	500.000.000	500.000.000					
4	Máy cắt kim loại CNC (Việt Nam, mới 100%): 1 máy	500.000.000	500.000.000					
5	Xe cuốc (Nhật, đã qua sử dụng): 01 chiếc	600.000.000	600.000.000					
II	Xí nghiệp Lương Thực Thực Phẩm	5.350.000.000	5.350.000.000					
1	Hệ thống bồn chứa nguyên liệu (Dc máy 3)	750.000.000	750.000.000				Đơn vị tự thực hiện	
2	Máy tách màu và thiết bị phụ trợ (Dc máy 4)							
	- Máy tách màu	1.260.000.000	1.260.000.000					
	- Máy nén khí	320.000.000	320.000.000					
	- Thiết bị phụ trợ	420.000.000	420.000.000				Đơn vị tự thực hiện	
3	Hệ thống bồn chứa thành phẩm, cân đóng bao (Dc máy 4)	1.100.000.000	1.100.000.000				nt	
4	Nâng nền kho A3	1.500.000.000	1.500.000.000				nt	
II I	Xí nghiệp Bao Bì & TCMN	1.070.000.000	1.070.000.000					
1	Máy dệt bao PP 6 thoi (Ấn Độ, mới 100%): 2 máy	800.000.000	800.000.000					
2	Máy cắt ống chỉ (Việt Nam, mới 100%): 01 máy	50.000.000	50.000.000					
3	Máy sấy lúa non: 01 máy	220.000.000	220.000.000				Đơn vị tự thực hiện	



STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung																											
			<table><tr><td></td><td>Tổng cộng</td><td>10.520.000.000</td><td>10.520.000.000</td><td></td><td></td></tr></table>							Tổng cộng	10.520.000.000	10.520.000.000																		
	Tổng cộng	10.520.000.000	10.520.000.000																											
			Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:																											
			<table><tr><th rowspan="2">Kết quả</th><th rowspan="2">Tổng số phiếu biểu quyết</th><th colspan="4">Trong đó</th></tr><tr><th>Tán thành</th><th>Không tán thành</th><th>Không có ý kiến</th><th>Không hợp lệ</th></tr><tr><td>Số phiếu</td><td>8.329.623</td><td>8.329.623</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>Đạt tỷ lệ %</td><td>100</td><td>100</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr></table>						Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó				Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ	Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0	Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0
Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó																												
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ																									
Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0																									
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0																									
			<p><b>Điều 8 : Thông qua tờ trình ủy quyền cho HĐQT quyết định các nội dung về công tác đầu tư XD CB, mua sắm tài sản và các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Phê duyệt danh mục, hạng mục và tổng giá trị đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 do Ban điều hành Công ty trình.</p> <p>2. Phê duyệt các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty do Ban điều hành trình.</p> <p>Việc quyết định của HĐQT nêu tại mục 1 và 2 nêu trên được thực hiện theo trình tự, thủ tục và nghĩa vụ công bố thông tin của HĐQT theo quy định. HĐQT có trách nhiệm báo cáo với ĐHCĐ trong cuộc họp gần nhất về các nội dung đã thực hiện.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:</p>																											
			<table><tr><th rowspan="2">Kết quả</th><th rowspan="2">Tổng số phiếu biểu quyết</th><th colspan="4">Trong đó</th></tr><tr><th>Tán thành</th><th>Không tán thành</th><th>Không có ý kiến</th><th>Không hợp lệ</th></tr><tr><td>Số phiếu</td><td>8.329.623</td><td>8.329.623</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr><tr><td>Đạt tỷ lệ %</td><td>100</td><td>100</td><td>0</td><td>0</td><td>0</td></tr></table>						Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó				Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ	Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0	Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0
Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó																												
		Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ																									
Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0																									
Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0																									
			<p><b>Điều 9: Thông qua tờ trình chọn đơn vị kiểm toán :</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông Công ty ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong 04 Công ty kiểm hàng đầu Việt Nam được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán đối với Công ty niêm yết gồm:</p> <p>+ Công ty TNHH Kiểm toán KPMG;</p> <p>+ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;</p> <p>+ Công ty TNHH Ernst &amp; Young Việt Nam;</p> <p>+ Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam</p> <p>là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty trên cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết như sau:</p>																											



STT	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung					
			Kết quả	Tổng số phiếu biểu quyết	Trong đó			
					Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Không hợp lệ
			Số phiếu	8.329.623	8.329.623	0	0	0
			Đạt tỷ lệ %	100	100	0	0	0
			<b>Điều 10. Triển khai thực hiện Nghị quyết</b>					
			Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2019.					
			Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.					

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2020):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

STT	Thành Viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Văn Kiệt	Chủ tịch HĐQT	12/06/2019	
2	Lê Trường Sơn	UV HĐQT-TGĐ	12/06/2019	
3	Nguyễn Bình Hiên	UV HĐQT-PTGD	12/06/2019	
4	Nguyễn Thị Hoài	UV HĐQT	12/06/2019	
5	Võ Hùng Dũng	UV HĐQT	12/06/2019	

### 2. Các cuộc họp HĐQT

STT	Thành Viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Kiệt	4/4	100 %	
2	Lê Trường Sơn	4/4	100 %	
3	Nguyễn Bình Hiên	4/4	100 %	
4	Nguyễn Thị Hoài	4/4	100 %	
5	Võ Hùng Dũng	4/4	100 %	

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2020 và các Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng tháng với



Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 cho phù hợp với thực tế của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và website Công ty.
- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.
- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc còn được thực hiện thông qua các báo cáo tình hình hoạt động SXKD trong tháng và kế hoạch, phương hướng tháng tới do Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT.
- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng cách tiến hành cuộc họp hoặc bằng văn bản và có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

#### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT không có thành lập tiểu ban thuộc HĐQT

#### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo năm 2020):

ST T	Số nghị quyết/ Số quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/NQ- HĐQT.MCF	12/02/2020	<p>1- Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD quý 4 và cả năm 2019; Thống nhất thông qua kế hoạch SXKD năm 2020 với các chỉ tiêu chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng doanh thu: 520.000.000.000 đồng</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 13.200.000.000 đồng</li> </ul> <p>2- Thông qua báo cáo thẩm định quyết toán tài chính năm 2019 của Ban kiểm soát với chỉ tiêu chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng doanh thu: 418.284.672.778 đồng</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 12.820.371.778 đồng</li> </ul> <p>3- Thống nhất thông qua thang bảng lương của Công ty thời gian áp dụng hệ thống thang bảng lương mới là ngày 01/01/2020.</p> <p>4-Các vấn đề khác.</p> <p>Thông qua các nội dung cần xin ý kiến phê duyệt của Tổng Công ty trước khi tiến hành đại hội gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xin phê duyệt hạn mức vốn tín dụng tại các ngân hàng thương mại phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2020.</li> <li>- Thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019.</li> <li>- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Kế hoạch đầu tư XD CB năm 2020;</li> </ul>



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020.</li> <li>- Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2020.</li> <li>- Chọn đơn vị kiểm toán năm 2020.</li> <li>- Xin ý kiến thời gian tổ chức đại hội đồng cổ đông năm 2020.</li> </ul> <p>Giao cho Ban điều hành Công ty Mecofood chuẩn bị đầy đủ tài liệu phục vụ đại hội để thông qua Hội đồng quản trị trong phiên họp sau, trước khi tiến hành đại hội.</p>
2	03/NQ-HĐQT.MCF	30/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ phiếu lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên Hội đồng quản trị ngày 24/03/2020</li> </ul> <p>Thông nhất phê duyệt các hạn mục đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư máy móc thiết bị sản xuất, tại 02 Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí và Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm trực thuộc Công ty như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Bờ kè tại xí nghiệp Xây Lắp Cơ khí</li> <li>b. Máy tách màu và thiết bị phụ trợ tại xí nghiệp Lương thực Thực phẩm</li> <li>c. Hệ thống bồn chứa thành phẩm và cân đóng bao tại xí nghiệp Lương thực Thực phẩm</li> </ul> <p>Tổng giá trị dự toán đầu tư: <b>4.180.587.500 đồng</b> + Trồng đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bờ kè: 1.440.237.500 đồng</li> <li>- Máy tách màu và thiết bị phụ trợ: 1.668.900.000 đồng</li> <li>- Bồn chứa thành phẩm và cân đóng bao: 1.071.450.000 đồng</li> </ul> <p>Giao Ban điều hành thực hiện việc lựa chọn nhà thầu, đơn vị cung cấp thiết bị, tuân thủ theo quy chế tài chính của Công ty và Quy định của Pháp luật.</p> <p>Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
3	12/NQ-HĐQT.MCF	29/05/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD quý I năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2020.</li> <li>2. Phê duyệt thẩm định báo cáo quyết toán tài chính quý I năm 2020 của Ban kiểm soát, với chỉ tiêu chính như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng doanh thu: 109.957.759.963 đồng</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 3.805.633.768 đồng</li> </ul> </li> <li>3. Phê duyệt chương trình, thời gian, báo cáo và các tờ trình trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.</li> <li>4. Phê duyệt tổng hạn mức tín dụng cho Công ty được huy động thường xuyên là 180 tỷ đồng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 cụ thể như sau: Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Long An: 70 tỷ</li> </ol>



			<div>Ngân hàng Công thương Chi nhánh Long An: 60 tỷ</div> <div>Ngân hàng PG Bank Chi nhánh Long An: 50 tỷ</div> <div><b>Tổng hạn mức: 180 tỷ</b></div> <div>Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.</div>																				
4	27A/NQ-HĐQT.MCF	10/07/2020	<div>- Căn cứ phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị ngày 10/07/2020 về chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.</div> <div>1. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán KPMG là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.</div> <div>2. Giao Ban điều hành thực hiện việc ký kết hợp đồng kiểm toán năm 2020 tuân thủ theo quy Quy định của Pháp luật hiện hành.</div> <div>Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.</div>																				
5	30/NQ-HĐQT.MCF	12/8/2020	<div>1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020.</div> <div>Thông qua báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 đã được Công ty TNHH PKMG kiểm toán.</div> <div>2. Phê duyệt thẩm định báo cáo quyết toán tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Ban kiểm soát, với chỉ tiêu chính như sau:<div><div>- Tổng doanh thu: 317.416.310.736 đồng</div><div>- Lợi nhuận trước thuế: 9.119.571.584 đồng</div></div></div> <div>3. Phê duyệt tờ trình số: 166 ngày 07 tháng 08 năm 2020 của Ban điều hành Công ty về việc nâng nền kho A Phân xưởng 1 xí nghiệp Lương thực Thực phẩm với nội dung cụ thể như sau:</div> <table><tr><th rowspan="2">TT</th><th rowspan="2">Tên hạng mục đầu tư</th><th rowspan="2">Tổng mức dự toán đầu tư (Đồng)</th><th colspan="2">Nguồn vốn thực hiện</th><th rowspan="2">Ghi chú</th></tr><tr><th>Vốn Công ty</th><th>Vốn vay</th></tr><tr><td>1</td><td>Nâng nền kho A Phân xưởng 1 xí nghiệp Lương thực Thực phẩm</td><td>806.818.400</td><td>806.818.400</td><td></td><td>Đơn vị tự thực hiện</td></tr><tr><td></td><td><b>Tổng cộng</b></td><td><b>806.818.400</b></td><td><b>806.818.400</b></td><td></td><td></td></tr></table> <div>Giao cho Tổng giám đốc thực hiện các trình tự, thủ tục</div>	TT	Tên hạng mục đầu tư	Tổng mức dự toán đầu tư (Đồng)	Nguồn vốn thực hiện		Ghi chú	Vốn Công ty	Vốn vay	1	Nâng nền kho A Phân xưởng 1 xí nghiệp Lương thực Thực phẩm	806.818.400	806.818.400		Đơn vị tự thực hiện		<b>Tổng cộng</b>	<b>806.818.400</b>	<b>806.818.400</b>		
TT	Tên hạng mục đầu tư	Tổng mức dự toán đầu tư (Đồng)	Nguồn vốn thực hiện				Ghi chú																
			Vốn Công ty	Vốn vay																			
1	Nâng nền kho A Phân xưởng 1 xí nghiệp Lương thực Thực phẩm	806.818.400	806.818.400		Đơn vị tự thực hiện																		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>806.818.400</b>	<b>806.818.400</b>																				



			<p>đầu tư đúng theo quy chế, Điều lệ Công ty, và Pháp luật hiện hành.</p> <p>Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>																																			
6	32/NQ-HĐQT.MCF	12/11/2020	<p>1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2020.</p> <p>2. Phê duyệt thẩm định báo cáo quyết toán tài chính 9 tháng đầu năm 2020 của Ban kiểm soát, với chỉ tiêu chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tổng doanh thu: 432.251.749.212 đồng</li><li>- Lợi nhuận trước thuế: 12.118.721.454 đồng</li></ul> <p>3. Thông qua tờ trình tờ trình đầu tư XD CB và mua sắm thiết bị như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Xí nghiệp Bao bì &amp; TCMN:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Lắp đặt máy sấy lúa non trị giá 151.406.779 đồng;</li></ul></li><li>- Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Máy in date trị giá 95.000.000 đồng</li><li>+ Nâng phần còn lại của nền kho A Phân xưởng 1 xí nghiệp Lương thực Thực phẩm với giá trị 691.615.555 đồng</li></ul></li><li>- Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Mua xe cuốc trị giá 600.000.000 đồng</li></ul></li></ul> <p>4. Thông qua tờ trình số 17/TT-TCKT.MCF.20 ngày 20/10/2020 của Ban điều hành về việc xử lý các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi gồm:</p> <table><tr><th>TT</th><th>Diễn giải</th><th>ĐVT</th><th>Số tiền</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>1</td><td>Công ty TNHH TM DV Thông Tin Gol</td><td>Đồng</td><td>34.000.000</td><td>Phát sinh nợ năm 2005</td></tr><tr><td>2</td><td>Doanh nghiệp tư nhân Điền Mãi</td><td>Đồng</td><td>33.483.175</td><td>Phát sinh nợ năm 2008</td></tr><tr><td>3</td><td>Công ty TNHH XD TM Hà Thành</td><td>Đồng</td><td>42.000.000</td><td>Phát sinh nợ năm 2009</td></tr><tr><td>4</td><td>Công ty TNHH Suất ăn Công nghiệp Nguyễn Huỳnh</td><td>Đồng</td><td>35.354.000</td><td>Phát sinh nợ năm 2010</td></tr><tr><td>5</td><td>Công ty CP Lương thực Hậu Giang</td><td>Đồng</td><td>7.524.103.500</td><td>Phát sinh nợ 12/2013</td></tr><tr><td></td><td><b>Cộng</b></td><td></td><td><b>7.668.940.675</b></td><td></td></tr></table> <p>Giao cho Ban điều hành thực hiện việc xử lý các khoản nợ phải thu, không có khả năng thu hồi đúng theo trình tự, quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>	TT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền	Ghi chú	1	Công ty TNHH TM DV Thông Tin Gol	Đồng	34.000.000	Phát sinh nợ năm 2005	2	Doanh nghiệp tư nhân Điền Mãi	Đồng	33.483.175	Phát sinh nợ năm 2008	3	Công ty TNHH XD TM Hà Thành	Đồng	42.000.000	Phát sinh nợ năm 2009	4	Công ty TNHH Suất ăn Công nghiệp Nguyễn Huỳnh	Đồng	35.354.000	Phát sinh nợ năm 2010	5	Công ty CP Lương thực Hậu Giang	Đồng	7.524.103.500	Phát sinh nợ 12/2013		<b>Cộng</b>		<b>7.668.940.675</b>	
TT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền	Ghi chú																																		
1	Công ty TNHH TM DV Thông Tin Gol	Đồng	34.000.000	Phát sinh nợ năm 2005																																		
2	Doanh nghiệp tư nhân Điền Mãi	Đồng	33.483.175	Phát sinh nợ năm 2008																																		
3	Công ty TNHH XD TM Hà Thành	Đồng	42.000.000	Phát sinh nợ năm 2009																																		
4	Công ty TNHH Suất ăn Công nghiệp Nguyễn Huỳnh	Đồng	35.354.000	Phát sinh nợ năm 2010																																		
5	Công ty CP Lương thực Hậu Giang	Đồng	7.524.103.500	Phát sinh nợ 12/2013																																		
	<b>Cộng</b>		<b>7.668.940.675</b>																																			



7	35/NQ-HĐQT.MCF	24/12/2020	<p>- Căn cứ phiếu lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị ngày 17/12/2020.</p> <p>1. Thống nhất ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm với Bà Trần Thị Phụng (do đến ngày 31/12/2020 Bà Trần Thị Phụng- Kế toán trưởng Công ty đến tuổi nghỉ hưu), Bà Trần Thị Phụng sẽ giữ chức vụ phụ trách Phòng Tài Chính Kế toán Công ty kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021. Giao Tổng giám đốc xem xét ký hợp đồng lao động, chế độ tiền lương, thưởng theo quy chế, quy định của Công ty và đúng quy định của Pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Trong thời gian trên giao Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện quy trình nhân sự, đề xuất phương án nhân sự theo đúng quy định để HĐQT Công ty xem xét bổ nhiệm Kế toán trưởng.</p> <p>Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.</p>
---	----------------	------------	---

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm 2020):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Hoàng Thị Liên	T BKS	12/06/2019	Cử nhân tài chính kế toán
2	Trần Vĩnh Thanh	TV BKS	12/06/2019	Thạc sĩ kinh tế tài chính ngân hàng
3	Lê Thị Hồng Nhung	TV BKS	12/06/2019	Cử nhân kế toán

#### 2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Thị Liên	4/4	100%	
2	Trần Vĩnh Thanh	4/4	100%	
3	Lê Thị Hồng Nhung	4/4	100%	

#### 3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Các hoạt động của HĐQT đều tuân thủ đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tổ chức duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ sau đó triển khai kịp thời các Nghị quyết của HĐQT để Ban Tổng giám đốc thực hiện.



Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT đều trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của HĐQT. Việc thảo luận và biểu quyết là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/Ủy ban kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực, thường xuyên chỉ đạo CB-CNV Công ty thực hành tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh

BKS được mời tham gia các cuộc họp với HĐQT và Ban tổng giám đốc.

BKS thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện các mục tiêu kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kiểm tra và giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động thường xuyên, chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát nhận đầy đủ báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, Ban kiểm soát đã có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty. Tiến hành xem xét hồ sơ sổ sách kế toán, cách ghi chép hạch toán kế toán hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo của Công ty

Hoạt động của BKS luôn được sự hỗ trợ tích cực của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các Phòng Ban, các Xí nghiệp. Hoạt động của BKS có tính độc lập không gây cản trở cho hoạt động SXKD của Công ty. Việc phối hợp làm việc giữa HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS là phù hợp với chuẩn mực, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban kiểm toán: **Không có**

#### IV. Ban điều hành

STT	Thành Viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên ban điều hành
1	Ông Lê Trường Sơn	10/02/1963	Cử nhân TCKT	01/10/2017
2	Ông Nguyễn Bình Hiền	23/07/1964	Cử nhân TCKT	15/9/2009
3	Ông Nguyễn Văn Cho	29/12/1967	Cử nhân Kế toán Nông nghiệp	26/1/2015

#### V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Trần Thị Phụng	1965	Cử nhân TCKT	26/1/2015

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty:



Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:  
*Không có*

## VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm 2020) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1	Nguyễn Văn Kiệt	001C540347	CT HĐQT	300688607	30/06/2014	Long An	41- Nguyễn Thông-P3-TP.Tân An-Long An	25/3/2011			CT HĐQT
2	Nguyễn Bình Hiền	-	UVHĐQT-P.TGD	300366559	20/11/2003	Long An	Phường 5, TP Tân An, Long An	4/4/2015			UVHĐQT-P.TGD
3	Lê Trường Sơn	-	UVHĐQT-TGD	300116335	02/11/2004	Long An	168 QL1, P5, TP Tân An, Long An	4/4/2017			UVHĐQT-TGD
4	Nguyễn Thị Hoài	-	TV HĐQT	013344928	03/03/2011	Công An Hà Nội	Phòng 506 F5 Khu tập thể VPPHH – 190 Lô Đức – Phường Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	12/6/2019			TV HĐQT
5	Vô Hùng Dũng	-	TV HĐQT	300920275	25/01/2005	Long An	S2, KDC Gò Đen, ấp 4, xã Phước Lợi, Bến Lức, Long An	12/6/2019			TV HĐQT
6	Nguyễn Văn Cho	001C540090	P.TGD	300621786	24/07/2006	Long An	29 Nguyễn Thị Bảy, P6, tp Tân an, tỉnh Long an	26/1/2015			P.TGD
7	Trần Thị Phụng	001C540144	KTT	300478130	10/12/2007	Long an	83/10 Cũ Luyện, P5, TP.Tân An, Long An	4/4/2016			KTT
8	Trần Vĩnh Thanh	-	TV BKS	340701618	08/08/2018	Đồng Tháp	Xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	12/6/2019			TV BKS
9	Hoàng Thị Liên	-	TBKS	301044453		CA Long An	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an	12/6/2019			TBKS
10	Lê Thị Hồng Nhung	-	TV BKS	301229176	10/04/2018	Long An	51/2 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	12/6/2019			TV BKS

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

*Không có*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm giữ năm quyền kiểm soát

*Không có*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc:  
*không có*



4.3. Các giao dịch khác của công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người liên quan khác: **Không có**

# **VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo năm 2020)**

## 1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Văn Kiệt	001C540347	CT HĐQT	300688607	30/06/2014	Long An	41- Nguyễn Thông-P3-TP.Tân An-Long An		2.155.600	14.280	20,133
	Trần Thị Thu Hương	001C540215		300710585	23/09/1999	Long An	41- Nguyễn Thông-P3-TP.Tân An-Long An	Vợ		538	0,005
	Nguyễn Thị Lan Anh			301126184	22/09/1999	Long An	33-Trương Định-P2-TP.Tân An-Long An	Con			
	Nguyễn Hữu Bằng			301123502		Long An	33-Trương Định-P2-TP.Tân An-Long An	Con rể			
	Nguyễn Anh Hoàng Minh			301441653	27/11/2007	Long An	41- Nguyễn Thông-P3-TP.Tân An-Long An	Con			
	Nguyễn Anh Hoàng Phúc			301679906	30/06/2014	Long An	41- Nguyễn Thông-P3-TP.Tân An-Long An	Con			
	Nguyễn Thị Ánh Tuyết			300019931	05/11/2004	Long an	49-Nguyễn Văn Rảnh-P3-TP.Tân An-Long An	Chị ruột			
	Nguyễn Anh Tuấn			300028391	30/06/2006	Long an	12- đường số 5-Bình cư 3-P6-TP.Tân An-Long An	Anh ruột			
	Nguyễn Kim Thanh			300528193	23/07/2011	Long an	12- đường số 5-Bình cư 3-P6-TP.Tân An-Long An	Chị dâu			
	Nguyễn Thị Ánh Sương			300013974	15/05/2020	Long an	207/11-Quốc lộ 1A-P4-TP.Tân An-Long An	Chị ruột			
	Đặng Bé Hai			300881420	15/05/2020	Long an	207/11-Quốc lộ 1A-P4-TP.Tân An-Long An	Anh rể			
	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt			300579657	23/09/1999	Long an	41- Nguyễn Thông-P3-TP.Tân An-Long An	Em ruột			
	Trần Văn Nhạn			301633366	10/10/2013	Long an	Áp Vĩnh Viễn-Xã Thanh Vĩnh Đông-Châu Thành-Long an	Cha vợ			
	Trần Thị Sáu			300360978	14/10/2013	Long an	Áp Vĩnh Viễn-Xã Thanh Vĩnh Đông-Châu Thành-Long an	Mẹ vợ			
	Trần Kim Thượng			020928991	11/01/2010	Tp HCM	Phường 5, Quận 8, TP Hồ Chí Minh	Anh vợ			
	Nguyễn Thị Thắng			023412024	25/02/2010	Tp HCM	Phường 5, Quận 8, TP Hồ Chí Minh	Chị dâu			
	Trần Xuân Trường			300368224	10/10/2013	Long an	Xã Thanh Vĩnh Đông-Châu Thành-Long an	Anh vợ			
	Đào Thị Năm			300218279	19/10/2011	Long an	Xã Thanh Vĩnh Đông-Châu Thành-Long an	Chị dâu			
	Trần Văn Tiếng			022403145	01/11/2006	Tp HCM	Phường Phong phú, H. Bình Chánh-TP Hồ Chí Minh	Anh vợ			
	Ôn Thị Phương Oanh			021371130	06/11/2006	Tp HCM	Phường Phong phú, H. Bình Chánh-TP Hồ Chí Minh	Chị dâu			



ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Trần Thị Thu Thảo			271407942	08/08/2009	Đồng nai	Xã núi tượng, H tân phủ, Đồng nai	Chị vợ			
	Trà Văn Tường			272281022	01/10/2008	Đồng nai	Xã núi tượng, H tân phủ, Đồng nai	Anh rể			
	Trần Thị Thu Vân			300621859	07/04/2017	Long an	An Vĩnh Ngãi-H Châu Thành-Long an	Em vợ			
	Trần Thị Thu Lan			300671777	18/07/2014	Long an	Thị Trần Tâm Vu-H. Châu Thành-Long an	Em vợ			
	Huỳnh Công Đức			300529945	09/09/2020	Long an	Thị Trần Tâm Vu-H. Châu Thành-Long an	Em rể			
	Trần Thị Thu Trang			025787157	29/07/2013	Tp HCM	Vĩnh lộc A, H Bình chánh, Tp Hồ Chí Minh	Em vợ			
	Tổng Thành Nghĩa			025684606	05/11/2012	Tp HCM	Vĩnh lộc A, H Bình chánh, Tp Hồ Chí Minh	Em rể			
	Trần Thị Thu Trình			300871824	21/10/2011	Long an	An Vĩnh Ngãi-H Châu Thành-Long an	Em vợ			
	Trương Văn Bi			300571946	26/09/2005	Long an	An Vĩnh Ngãi-H Châu Thành-Long an	Em rể			
2	Nguyễn Bình Hiển		UVH ĐQT- P.TG Đ	300366559	20/11/2003	Long An	Phường 5, TP Tân An, Long An		1.077.800	36.348	10,337
	Nguyễn Thăng Kỷ			300464265	01/02/2004	Long An	Phường 2, TP Tân An, Long An	Anh ruột			
	Nguyễn Chiến Công			025246512	02/04/2003	TPHCM	Phường 12, Quận Tân Bình, TPHCM	Anh ruột			
	Nguyễn Thanh Vinh			300366556	04/05/2006	Long An	Xã Nhơn Thanh Trung, TP Tân An, Long An	Anh ruột			
	Nguyễn Thanh Tâm			300057866	24/06/1998	Long An	Phường 2, TP Tân An, Long An	Em ruột			
	Nguyễn Tâm Minh			024203372	29/12/2003	TPHCM	Phường 12, Quận Tân Bình, TPHCM	Em ruột			
	Đặng Thị Bé Chinh			300570857	06/07/2004	Long An	Phường 5, TP Tân An, Long An	Vợ		4.041	0,037
	Nguyễn Đặng Minh Hiền			301442241	04/05/2008	Long An	Phường 5, TP Tân An, Long An	Con			
	Nguyễn Đặng Minh Đức			301512086	25/05/2010	Long An	Phường 5, TP Tân An, Long An	Con			
	Nguyễn Thị Kim Tuyền			082171000 184	11/01/2020	TP HCM	Quận Tân Bình, TP HCM	Em dâu			
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết			023790086	24/1/2015	TP HCM	P2, Quận Tân Bình, TP HCM	Chi dâu			
	Nguyễn Văn Thường			300595036	18/02/2020	Long An	Xã Nhơn Thanh Trung, TP Tân An, Long An	Anh rể			
	Lê Văn Dũng			300498573	18/02/2020	Long An	Phường 2, TP Tân An, Long An	Em rể			
	Trương Thành Huân			300853141	3/11/2007	Long An	Phường 3, TP Tân An, Long An	Anh rể			



ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Nguyễn Văn Cuộc			300453546	13/8/2016	Long An	Phường 3, TP Tân An, Long An	Anh rể			
	Phan Phúc Tiền			301421395	5/4/2019	Long An	Phường 2, TP Tân An, Long An	Con rể			
3	Lê Trường Sơn	-	UVH ĐQT-TGD	300116335	02/11/2004	Long An	168 QL1, P5, TP Tân An, Long An		1.077.800	29.639	10,275
	Nguyễn Thị Ngọc			300374851	17/11/2007	Long An	168 QL1, P5, TP Tân An, Long An	Vợ			
	Lê Thị Ngọc Anh			301407595	27/09/2005	Long An	KP Phú Nhơn, Phường 5, TP Tân An, Long An	Con			
	Nguyễn Lưu Tường			079089017 104	06/02/2020		KP Phú Nhơn, Phường 5, TP Tân An, Long An	Con rể			
	Lê Trường Giang			301584949	16/12/2011	Long An	KP Phú Nhơn, Phường 5, TP Tân An, Long An	Con			
	Lê Minh Đức			301229151	24/08/2002	Long An	Bàu Sen, Đức Lập, Đức Hoà, Long An	Anh ruột			
	Lê Phước Phần			300877889	07/01/2002	Long An	Bàu Sen, Đức Lập, Đức Hoà, Long An	Anh ruột			
	Lê Phước Trường			300532586	20/09/1983	Long An	Quận 5, TPHCM	Anh ruột			
	Lê Thị Thu Trang			300407534	03/04/1995	Long An	Đức Lập, Đức Hoà, Long An	Em ruột			
	Nguyễn Khắc Tinh			300878338	29/08/2017	Long An	Ấp 7B, xã Mỹ Yên, Bến Lức, Long An	Cha vợ			
	Trần Thị Bé			300374766	13/03/2013	Long An	Ấp 7B, xã Mỹ Yên, Bến Lức, Long An	Mẹ vợ			
	Nguyễn Thị Chấn			300374765	25/07/2009	Long An	Ấp 7B, xã Mỹ Yên, Bến Lức, Long An	Chị vợ			
	Nguyễn Thị Kim Thủy						Nước ngoài	Em vợ			
	Nguyễn Khắc Chung			300878339	01/08/2015	Long An	Ấp 7B, xã Mỹ Yên, Bến Lức, Long An	Em vợ			
	Nguyễn Thị Kim Quý						Nước ngoài	Em vợ			
4	Nguyễn Thị Hoài	-	TV HDQ T	013344928	03/03/2011	Công An Hà Nội	Phòng 506 F5 Khu tập thể VPPHH – 190 Lò Đúc - Phường Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội		2.155.600		20%
	Trịnh Thị Hường						Thị trấn Đông Hưng, Thái Bình	Mẹ kế			
	Vũ Nhật Minh						Phòng 506 F5 Khu tập thể VPPHH – 190 Lò Đúc – Phường Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Con			
	Nguyễn Thị Vân Anh			034175000 762	15/01/2015	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phòng 506 F5 Khu tập thể VPPHH – 190 Lò Đúc – Phường Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Chị			
	Nguyễn Thị Vân Khánh			013585113	18/08/2012	Hà Nội	Bồ Đề – Long Biên – TP. Hà Nội	Chị			



ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Nguyễn Như Toàn			151437732	12/12/2013	Thái Bình	Thị trấn Đông Hưng, Thái Bình	Em			
	Nguyễn Thị Hiền			034183007 679	12/04/2017	Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Xã Miêu Nha, Quận Bắc Từ Liêm, Tp.Hà Nội	Em			
5	Võ Hùng Dũng	-	TV HDQ T	300920275	25/01/2005	Long An	S2, KDC Gò Đen, ấp 4, xã Phước Lợi, Bến Lúc, Long An		-	-	-
	Võ Ngọc Cháp			300362666	06/5/2015	CA Long An	Ấp 5, xã Mỹ Yên, Bến Lúc, Long An	Cha ruột			
	Võ Thị Huệ			300362840	11/5/2012	CA Long An	Ấp 5, xã Mỹ Yên, Bến Lúc, Long An	Mẹ ruột			
	Võ Thị Tố Trinh			300920274	15/9/2004	CA Long An	Mỹ Yên, Bến Lúc, Long An	Chị ruột			
	Võ Thị Tố Nữ			301041035	26/5/2014	CA Long An	Ấp 4, xã Mỹ Yên, Bến Lúc, Long An	Em ruột			
	Võ Thị Tố Nhi			301121575	17/9/2014	CA Long An	38 Lô 1, Ấp1, xã Mỹ Yên, Bến Lúc, Long An	Em ruột			
	Lê Thị Kim Cúc			300909131	26/5/2014	CA Long An	Xã Long Cang, Cần Đước, Long An	Vợ			
	Võ Nhật Linh						S2, KDC Gò Đen, ấp 4, xã Phước Lợi, Bến Lúc, Long An	Con			
	Võ Lê Huy						S2, KDC Gò Đen, ấp 4, xã Phước Lợi, Bến Lúc, Long An	Con			
	Trần Thị Hiền			300318322	19/08/2013	CA Long An	Ấp 2, Long Cang, Cần Đước, Long An	Mẹ vợ			
	Lê Thị Kiều Diễm			024468324	29/11/2005	CA TP.HCM	44 Bến Phú Lâm, P9, Q6, Tp.Hồ Chí Minh	Chị vợ			
	Lê Thị Thảo Trang			300838480	08/07/2019	CA Long An	Ấp 2, Long Cang, Cần Đước, Long An	Chị vợ			
	Lê Thị Kim Dung			301132298	21/10/2015	CA Long An	Ấp 2, Long Cang, Cần Đước, Long An	Em vợ			
6	Nguyễn Văn Cho	001C54 0090	P.TG Đ	300621786	24/07/2006	Long An	29 Nguyễn Thị Bẩy, P6, tp Tân an, tỉnh Long an		-	369	0,0034
	Nguyễn Thị Bền			300379519	26/09/2005	Long An	Ấp Phú Xuân 2-Phú Ngài Trị Châu Thành Long An	Chị ruột			
	Nguyễn Thành Công			300386183	05/07/2010	Long An	Ấp 1- Phước Tân Hưng-Châu Thành Long An	Anh ruột			
	Nguyễn Văn Chiêu			300381020	02/05/2010	Long An	Ấp 1- Phước Tân Hưng-Châu Thành Long An	Anh ruột			
	Trần Ngọc Thu Phụng	001C540 091		301386279	08/11/2006	Long an	195D-Châu Thị Kim- P.7-TP.Tân An Long An	Vợ		269	0,0025
	Nguyễn Thu An			301473937	17/10/2008	Long an	195D-Châu Thị Kim- P.7-TP.Tân An Long An	Con			
	Nguyễn Gia Huy			301473915	17/10/2008	Long an	195D-Châu Thị Kim- P.7-TP.Tân An Long An	Con			



ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Trần Ngọc Thu Tâm			310593440	06/05/2007	Tiền Giang	45A Lưu Thị Dung, Khóm, P2 TX Gò Công Tiền Giang	Em vợ			
	Trần Thanh Tùng			310593431	28/08/2006	Tiền Giang	88/1 Trần Hưng Đạo, KP 3, P3, TX Gò Công, Tiền Giang	Em vợ			
	Trần Thanh Long			310763609	04/04/2018	Tiền Giang	88/1 Trần Hưng Đạo, KP 3, P3, TX Gò Công, Tiền Giang	Anh vợ			
	Trần Ngọc Thu Thảo	001C540 216		310814536	07/05/2010	Tiền Giang	88/1 Trần Hưng Đạo, KP 3, P3, TX Gò Công, Tiền Giang	Em vợ		16	0,00015
	Trần Ngọc Thu Trang			311375845	11/07/2015	Tiền Giang	88/1 Trần Hưng Đạo, KP 3, P3, TX Gò Công, Tiền Giang	Em vợ			
	Đặng Xa			300377978	23/01/2013	Long An	227/8 Ấp 8- Phước Tân Hưng-Châu Thành Long An	Anh rể			
	Ngô Văn Kính			300379487	12/04/2010	Long An	Ấp Ai Ngãi, xã Phú Ngãi Trị, Châu Thành, Long An	Anh rể			
	Nguyễn Thị Kim Chường			300607334	1/1/1966	Long An	9/1 B Ấp 1- Phước Tân Hưng-Châu Thành Long An	Chị dâu			
	Nguyễn Thị Diệu			300381012	24/01/2010	Long An	156/1 Ấp 1- Phước Tân Hưng-Châu Thành Long An	Chị dâu			
7	Trần Thị Phụng	001C54 0144	KTT	300478130	10/12/2007	Long an	83/10 Cũ Luyện, P5, TP.Tân An, Long An			8.083	0,075
	Huỳnh Thị Dương			300391053	25/02/1980	Long an	Ấp Phú Xuân 1, Phú Ngãi Trị, Châu Thành, Long An	Mẹ			
	Trần Thị Ngọc			300305934	26/10/2009	Long an	Ấp Phú Tây B, Thanh Phú Long, Châu Thành, Long An	Chị ruột			
	Trần Thị Trâm			300391071	26/09/2005	Long an	Ấp Phú Xuân 1, Phú Ngãi Trị, Châu Thành, Long An	Chị ruột			
	Trần Thị Thủy			300472299	27/07/2011	Long an	Ấp Kỳ Châu, Bình Quới, Châu Thành, Long An	Chị ruột			
	Trần Thị Hồng Duyên			300571935	08/09/2003	Long An	99 Châu Thị Kim, P3, TP Tân An, Long An	Em ruột		2.694	0,025
	Trần Quốc Thịnh			300611690	26/09/2011	Long An	Ấp Phú Xuân 1, Phú Ngãi Trị, Châu Thành, Long An	Em ruột			
	Nguyễn Hoàng Điệp	002C04 7584		300688673	12/09/2017	Long An	83/10 Cũ Luyện, P5, TP.Tân An, Long An	Chồng		7.275	0,0675
	Nguyễn Thị Bích Chi			301367901	25/04/2006	Long An	83/10 Cũ Luyện, P5, TP.Tân An, Long An	Con			
	Nguyễn Thảo Linh			301667866	31/07/2014	Long An	83/10 Cũ Luyện, P5, TP.Tân An, Long An	Con			
	Trần Minh Trà			212598965	01/10/2009	Quảng Ngãi	27 Quang Trung, P.Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi	Con rể			
	Tô Toàn Thu			300426724	19/07/2009	Long An	Ấp Kỳ Châu, Bình Quới, Châu Thành, Long An	Anh rể			
	Trần Văn Khuyến			300792605	13/06/2017	Long An	99 Châu Thị Kim, P3, TP Tân An, Long An	Em rể			
	Huỳnh Thị Em			300607708	26/09/2011	Long An	Ấp Phú Xuân 1, Phú Ngãi Trị, Châu Thành, Long An	Em dâu			



ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Nguyễn Văn Cải			300424207	12/03/2020	Long An	Ấp 4, Thạnh Đức, Bến Lức, Long An	Anh chồng			
	Nguyễn Văn Đơ			300411616	03/07/2015	Long An	Ấp 4, Thạnh Đức, Bến Lức, Long An	Em chồng			
	Nguyễn Văn Công			300751773	25/11/2011	Long An	Ấp 2, Thạnh Đức, Bến Lức, Long An	Em chồng			
8	Trần Vĩnh Thanh	-	TV BKS	340701618	08/08/2018	Đồng Tháp	Xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		-	-	-
	Trần Kim Đơn			340088261	12/05/1996	Đồng Tháp	Xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Mẹ ruột			
	Trần Thị Bé Thủy			340702317	24/08/2002	Đồng Tháp	Xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Chị ruột			
	Trần Thanh Thiện			340947749	20/10/2012	Đồng Tháp	Xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Em ruột			
	Lê Thị Liên			341562350	20/12/2012	Đồng Tháp	Xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Vợ			
	Trần Chí Hiếu			Còn nhỏ			Xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	con			
	Lê Văn Tinh			300939656	1/7/2020	Long An	Xã Hưng Điền B, Tân Hưng, tỉnh Long An	Cha vợ			
	Nguyễn Thị Lợi			301139423	2/5/2018	Long An	Xã Hưng Điền B, Tân Hưng, tỉnh Long An	Mẹ vợ			
	Lê Văn Tài			300938661	11/6/2018	Long An	Xã Hưng Điền B, Tân Hưng, tỉnh Long An	Em dâu			
	Nguyễn Thị Tuyết			341232221	10/3/2020	Đồng Tháp	Xã Tịnh Thới, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Em vợ			
9	Hoàng Thị Liên	-	T BKS	301044453		CA Long An	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an		-	20.208	0,187
	Hoàng Hồng Quang			301549772	14/02/2011	CA Long an	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an	Cha ruột			
	Trần Thị Lợi			300739690	10/01/2014	CA Long an	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an	Mẹ ruột			
	Hoàng Thị Hồng Hương			301088567	15/06/2017	CA Long an	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an	Em ruột			
	Hoàng Ngọc Đức			301088578	22/02/2016	CA Long an	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an	Em ruột			
	Chu Thị Hằng			301602697	11/07/2012	CA Long an	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an	Chị dâu			
	Nguyễn Văn Vương			301517573	03/02/2010	CA Long an	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an	Em rể			
	Nguyễn Thị Kim Tuyền			301184617	13/12/2013	CA Long an	Số 121, Nguyễn Văn Rảnh, P7, TP. Tân an, Long an	Em dâu			
10	Lê Thị Hồng Nhung	-	TV BKS	301229176	10/04/2018	Long An	51/2 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An		-	-	-
	Lê Phú Quý			300015670	21/11/2012	Long An	1/1 Lê Thị Điền, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Cha ruột			
	Lê Thị Hồng			300006807	11/11/2013	Long An	51/2 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Mẹ ruột			



ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/Đ KSH	Ngày cấp CMND/Đ KSH	Nơi cấp CMND/Đ KSH	Địa chỉ	Mối quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu cuối kỳ	Số cổ phiếu cá nhân sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ
	Lê Minh Tuấn			300792768	04/11/2004	Long An	51/4 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Anh ruột			
	Lê Phú Thịnh			301044543	05/11/2015	Long An	51/5 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Anh ruột			
	Lê Thị Hồng Thắm			301311021	12/12/2012	Long An	51/2 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Em ruột			
	Trần Thị Hồng Phúc			300854930	04/03/2020	Long An	51/4 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Chị dâu			
	Nguyễn Thị Loan Phụng			301112456	05/11/2015	Long An	51/5 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Chị dâu			
	Trần Thị Bướm			225579538	20/03/2012	Khánh Hoà	91 Lý Nam Đế, Phường Phước Long, Nha Trang, Khánh Hoà	Mẹ chồng			
	Nguyễn Xuân Thành			225088375	21/12/2017	Khánh Hoà	91 Lý Nam Đế, Phường Phước Long, Nha Trang, Khánh Hoà	Anh chồng			
	Nguyễn Thị Hồng Thuý			225235948	14/04/2007	Khánh Hoà	91 Lý Nam Đế, Phường Phước Long, Nha Trang, Khánh Hoà	Em chồng			
	Nguyễn Xuân Trường			225157223	20/03/2012	Khánh Hòa	51/3 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Chồng			
	Nguyễn Quang Huy						51/3 Nguyễn Minh Trường, Phường 3, TP Tân An, tỉnh Long An	Con			

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty:  
- Giao dịch của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
	Không có						

- Giao dịch của người có liên quan:

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
	Không có						

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

Nơi nhận:  
- Như trên  
- Lưu VT

TM HĐQT CÔNG TY  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Kiệt